

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HS-PT

Ngày: 25-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2020/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2019/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Bị cáo có kháng cáo: Bùi Văn T, sinh năm: 19XX, tại tỉnh Đ; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp Long T, xã Long K, huyện Hồng N, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: XX/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn O, sinh năm: 19XX và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 19XX; Tiền sự: Chưa có; Tiền án: Có 04 tiền án:

- Ngày 13-9-2005 bị Tòa án nhân dân (TAND) huyện Vĩnh H, tỉnh Long A: xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 14-5-2006.

- Ngày 25-6-2007 bị TAND huyện Vĩnh H, tỉnh Long A: xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 13/2007/HS-ST.

- Ngày 10-8-2007 bị TAND huyện Mộc H, tỉnh Long A: xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, và tổng hợp hình phạt với Bản án số 13/2007/HS-ST ngày 25-6-2007 của TAND huyện Vĩnh H (nêu trên), thành tổng hình phạt là 05 năm 06 tháng tù, chấp hành xong ngày 08-10-2012.

- Ngày 22-8-2013 bị TAND huyện Hồng N, tỉnh Đ: xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 03-9-2015; Bất tạm giam: ngày 06-10-2019 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Bùi Văn T là bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 19XX; Nơi cư trú: ấp Long T, xã Long K, huyện Hồng N, tỉnh Đ (Mẹ của bị cáo T, có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn T theo luật định: Luật sư Trần Văn Lãm - Văn phòng luật sư Trần Thanh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hoàng Q, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 16-01-2016, Bùi Văn T rủ Nguyễn Hoàng Q đi trộm gà, Q đồng ý. Sau đó cả hai không trộm được gà nên đi về nhà.

Đến khoảng 03 giờ, ngày 18-01-2016, Q đang ở nhà anh trai tên Nguyễn Phi H thuộc ấp Long P, xã Long K, huyện Hồng N thì T gọi điện thoại cho Q nói “mày cứu tao một lần coi” và T nhờ Q điều khiển xe mô tô đến đoạn giữa đường qua đò Long Thuận, cùng ấp Long Phước đợi T. Q ngầm biết là T đã trộm được tài sản nhờ Q chở đi tiêu thụ, nên Q đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 6XL1-XXXX (mượn của anh Phi H và xe này mua của anh Lê Ngọc S chưa sang tên) chạy đến điểm hẹn. Khi đến nơi, Q thấy T cùng với một người giống anh Lê Văn Bé T1 (tự Nu M) khiêng 02 bao cước đựng 02 con trăn và đem đến để lên phía sau yên xe của Q, xong người giống anh Nu M đi về và T hứa sau khi bán được trăn sẽ chia tiền cho Q xài (khi này T không nói, Q cũng không hỏi, nhưng Q ngầm biết là T trộm trăn của người khác). Sau đó, Q điều khiển xe chở T cùng 02 bao trăn chạy đi theo sự chỉ đường của T. Khi đến đoạn đường thuộc ấp An T, xã An B, thị xã Hồng N thì xe hết xăng nên Q dẫn xe đi đổ xăng, còn T ở tại đó giữ 02 bao trăn. Lúc này, các anh Võ Hoàng K, Võ Văn L, Lý Minh V thấy có biểu hiện lạ và nghi vấn T trộm trăn của người khác nên giữ lại. Khi Q đổ xăng xong trở lại thì anh V biết Q cùng đi với T nên đến rút chìa khóa xe giao anh K quản lý. Lúc này, anh Đàm Văn H1 (tự H1 cà lăm) quen biết với Q, đi ngang nên Q kêu và nói dối với anh H1 là trăn của gia đình chở đi bán mà bị giữ lại, nhờ anh H1 lấy lại chìa khóa xe dùm. Trong lúc này, lợi dụng sơ hở nên T trốn mất. Sau đó, anh K trả lại chìa khóa xe cho Q, đồng thời yêu cầu Q để lại hai bao trăn, Q đồng ý và Q điều khiển xe chạy về nhà. Đối với hai bao trăn thì các anh K, L, V đem giao cho Công an xã An B tạm giữ.

Đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Hữu P cư trú: ấp Long P, xã Long K, huyện Hồng N thì vào khoảng 05 giờ ngày 18-01-2016 xuống sàn nhà thăm chuồng nuôi trăn, phát hiện chuồng bị cạy khoen khóa và mất 03 con trăn, sau đó được tin báo là Công an xã An B đang tạm giữ 02 con trăn, nên bà G đến và xác nhận đó là trăn của bà, nên Công an đã giao trăn lại cho bà quản lý.

Vật chứng của vụ án thu được gồm có:

- 01 con trăn dài 3,2 mét, trọng lượng 29kg; 01 con trăn dài 3,1 mét, trọng lượng 23kg.
- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu DAMSAN, màu sơn nâu, Biển kiểm soát: 6XL1-XXXX, số máy FMG00097840, số khung 5H097840 và 01 giấy đăng ký

xe mô tô, xe máy số 082545 do Lê Ngọc S đứng tên, (xe này bị cáo Q mượn của anh Phi H để điều khiển chở bị cáo T đi tiêu thụ trộm).

- 01 cái quần Jean dài, màu nâu; 02 cái bao lưới cước; 01 cái áo dài tay vải Jean; 02 bao tải màu trắng; 01 đôi dép lười màu nâu đỏ; 01 cái khăn choàng màu xanh (tất cả đã qua sử dụng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/BBĐG-TSHS ngày 22-01-2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hồng N, như sau: 01 con trăn dài 3,2 mét, trọng lượng 29kg; 01 con trăn dài 3,1 mét, trọng lượng 23kg. Tổng trọng lượng 02 con trăn là 52kg, có tổng giá trị 6.760.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với bị cáo Bùi Văn T vào ngày 13-5-2016 thì thấy T có biểu hiện tâm thần, nên vào ngày 02-8-2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng N Quyết định trưng cầu giám định và đến ngày 09-9-2016 tại Kết luận số: 103/2016/KLGĐTC của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ, đối với Bùi Văn T:

+ Về y học: Trước và trong khi phạm tội, đương sự không bệnh lý tâm thần; sau khi phạm tội và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần; rối loạn sự thích ứng giai đoạn bệnh tiến triển (F43.2-ICD10).

+ Về năng lực: tại thời điểm phạm tội đương sự đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; hiện tại đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do bệnh lý tâm thần.

+ Đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Đến ngày 22-9-2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng N ra Quyết định số: 01/KSĐT-KT áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện Trung ương 2 (Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Đến ngày 26-02-2019 Bùi Văn T hết bệnh trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa (tại Kết luận số: 105/KLBB-VPYTW), với nội dung:

- Bệnh: Các rối loạn sự thích ứng (F43.2 – ICD.10).

- Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Đến các ngày 13-3 và ngày 19-3-2019 Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm việc với T, T không trả lời các câu hỏi của điều tra viên và không ký biên bản hỏi cung, cũng không nhận các thủ tục tố tụng tiếp theo như Quyết định phục hồi điều tra ... Tại Công văn số 126/VPYTW ngày 12-8-2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa trả lời theo yêu cầu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng N, thì tiếp tục khẳng định: *“Hiện nay đương sự (Bùi Văn T) không còn mắc bệnh tâm thần nữa, không còn nhược điểm về tâm thần, nên đương sự (Bùi Văn T) đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để tham gia tố tụng”*, sau đó trong quá trình điều tra tiếp, cũng như tại phiên tòa ngày 10-10-2019 bị cáo T cũng im lặng (không trả lời) sau những câu hỏi của Hội đồng xét xử, của đại diện Viện kiểm sát, cũng như luật sư, thì nghi có dấu hiệu tái bệnh nên Hội đồng xét xử Quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam bộ giám định tình trạng tâm thần hiện nay đối với bị cáo

Bùi Văn T. Đến ngày 15-11-2019 Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam bộ có kết luận số 246/2019/KL.GĐ “**Về y học:** Hiện tại đang sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn phân ly (Hội chứng Ganser F44.80 – ICD10); **Về năng lực:** Hiện tại đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần”, và tại Công văn số 246.0/PYTT ngày 15-11-2019 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam bộ kèm theo giải thích thêm: “.....Theo quy định pháp luật, trường hợp hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi thì vẫn có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.....”.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Q đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Đối với các anh K, L, V cho nhận dạng hình và con người thực tế thì đều xác định chính bị cáo T là người bị các anh giữ lại cùng 02 bao trăn vào rạng sáng ngày 18-01-2016.

Đối với anh Lê Văn Bé T1 (tự Nu M) là người theo bị cáo Q khai khiêng 02 bao trăn cùng với T, và Cơ quan điều tra chỉ làm việc được 01 lần vào ngày 26-7-2016, thì anh T1 cho rằng không nhớ thời gian đêm 18-01-2016 đã đi đâu và làm gì, đồng thời không thừa nhận tham gia trộm trăn với T và cũng không biết T có trộm trăn của ai hay không (hiện nay anh T1 đã bỏ địa phương, không rõ đi đâu). Nay tại phiên tòa bị cáo Q khai lại là do trời tối nên chỉ nhìn thấy người giống anh Lê Văn Bé T1 (tự Nu M) đứng ở xa chứ không chính xác và do bị cáo Q cùng với bị cáo T khiêng 02 bao trăn để lên xe, không phải Nu M, bị cáo Q cam đoan lời khai này là chính xác.

Tại bản án số 30/2019/HS-ST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N đã quyết định:

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14.

Căn cứ Các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 49 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 06-10-2019, nhưng được trừ đi thời gian bắt buộc chữa bệnh từ ngày 28-9-2016 đến ngày 19-3-2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Q 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019, bị cáo Bùi Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Bùi Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội

“Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn T, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất với án sơ thẩm đã tuyên cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo T. Tuy nhiên, thực tế bị cáo có hạn chế về nhận thức và năng lực hành vi do bị cáo bị bệnh tâm thần rối loạn phân ly. Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 03 năm tù nhưng trừ đi thời gian bắt buộc chữa bệnh và thời gian đã tạm giam bị cáo. Như vậy, đến thời điểm này, bị cáo đã chấp hành được 02 năm 10 tháng 08 ngày tù. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo thời gian tù còn lại và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo không tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T đã không khai nhận việc thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo T vẫn giữ quyền im lặng nhưng căn cứ vào sự thật khách quan qua diễn biến thực tế vào thời điểm đêm 16-01-2016, nhà bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Hữu P có mất 02 con trăn là có thật. Điều này trùng khớp với thời gian bị cáo T đã điện thoại kêu bị cáo Q điều khiển xe đến giữa đường bên đò qua Long Thuận để giúp chở T cùng 02 bao cước đựng 02 con trăn đi tiêu thụ và hứa khi bán được trăn sẽ chia tiền cho bị cáo Q xài. Q đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 6XL1-XXXX (mượn của anh Phi H) chạy đến điểm hẹn. Khi đến nơi, Q cùng T khiêng 02 bao cước đựng 02 con trăn để lên phía sau yên xe của Q. Sau đó, Q điều khiển xe chở T cùng 02 bao trăn chạy đi theo sự chỉ đường của T. Khi đến đoạn đường thuộc ấp An T, xã An B, thị xã Hồng N thì xe hết xăng nên Q dẫn xe đi đổ xăng, còn T ở tại đó giữ 02 bao trăn. Lúc này, các anh Võ Hoàng K, Võ Văn L, Lý Minh V thấy có biểu hiện nghi vấn T trộm trăn của người khác nên giữ lại. Lợi dụng sơ hở, bị cáo T bỏ trốn. Đồng thời qua nhận dạng thì các anh K, L, V đều xác định chính bị cáo T là người bị các anh giữ lại vào rạng sáng ngày 18-01-2016 cùng với 02 bao cước đựng 02 con trăn. Với diễn biến sự việc nêu trên được chứng minh bởi lời khai của các anh Võ Hoàng K, Võ Văn L, Lý Minh V, vật chứng 02 bao cước đựng 02 con trăn và lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Hoàng Q cũng như bản thân bị cáo T đã có 04 tiền án đều bị xử phạt về hành vi trộm cắp trăn. Do đó, đã có đủ căn cứ cho rằng bị cáo Bùi Văn T chính là người trực tiếp trộm 02 con trăn của gia đình bà G và ông P tại ấp Long P, xã Long K, huyện Hồng N, tỉnh Đ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Bùi Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái

pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Hữu P với tổng giá trị tài sản theo định giá là 6.760.00đ. Bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội vì bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội này nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo Bùi Văn T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có hạn chế về nhận thức và năng lực hành vi do bị cáo bị bệnh tâm thần rối loạn phân ly. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc. Đại diện hợp pháp cho bị cáo tại phiên tòa cũng thiết tha xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về, gia đình có điều kiện tiếp tục điều trị bệnh cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Bùi Văn T là có căn cứ một phần.

Xét yêu cầu của vị luật sư là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn T. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 49 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 02 (hai) năm 10 (mười) tháng 08 (tám) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/10/2019 nhưng trừ đi thời gian bắt buộc bị cáo chữa bệnh từ ngày 28/9/2016 đến ngày 19/3/2019 và thời gian đã tạm giam bị cáo từ ngày 06/10/2019 đến ngày 25/02/2020. Bị cáo Bùi Văn T đã chấp hành xong hình phạt.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Bùi Văn T tại phiên tòa.

Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND-VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan CSĐT CAH H;
- Cơ Quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo, ĐDBC, NBC;
- Lưu VT, HSVA, (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Khắc Thịnh